

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2015/QĐ-UBND

*Điện Biên, ngày 03 tháng 6 năm 2015*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy chế quản lý sử dụng tài nguyên nước  
trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 142/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2009/TT- BTNMT ngày 19 tháng 3 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 40/2014/TT- BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều kiện về năng lực của tổ chức cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 14/2007/QĐ-BTNMT ngày 4 tháng 9 năm 2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định việc xử lý trám lấp giếng không sử dụng;

Căn cứ Quyết định số 15/2008/QĐ-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định bảo vệ tài nguyên nước dưới đất;

Căn cứ văn bản số 70/HĐND-KTNS ngày 13/5/2015 của Thường trực HĐND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 19/2007/QĐ-UB ngày 02 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc ban hành “Quy chế quản lý sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên”.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Mùa A Sơn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Quản lý sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 03/6/2015  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

### **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về quản lý, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng tài nguyên nước.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Ủy ban nhân dân các cấp; các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và nước ngoài có liên quan đến hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

#### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. *Tài nguyên nước* bao gồm nguồn nước mặt, nước dưới đất, nước mưa và nước biển thuộc lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. *Nguồn nước* là các dạng tích tụ nước tự nhiên hoặc nhân tạo có thể khai thác, sử dụng bao gồm sông, suối, kênh, rạch, hồ, ao, đầm, phá, biển, các tầng chứa nước dưới đất; mưa, băng, tuyết và các dạng tích tụ nước khác.

3. *Thăm dò nước dưới đất* là sử dụng các phương pháp khảo sát địa chất, địa chất thủy văn để đánh giá, xác định trữ lượng, chất lượng nước dưới đất và dự báo tác động môi trường do khai thác nước gây ra trên một diện tích nhất định.

4. *Khai thác nước dưới đất* là việc lấy nước trực tiếp từ hệ thống giếng khoan, giếng đào, hố đào, các mạch lộ, hang động.

5. *Khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt* là việc lấy nước trực tiếp từ hệ thống sông, suối, kênh, mương, hồ, ao bằng công trình khai thác hoặc bằng thiết bị lấy nước.

6. *Xả nước thải vào nguồn nước* là các hoạt động xả nước đã bị thay đổi đặc điểm, tính chất do sử dụng hoặc do các hoạt động của con người xả vào hệ thống thoát nước, sông, suối, kênh mương, ao, hồ... hoặc thải ra môi trường, các tầng chứa nước dưới đất.

7. *Bảo vệ nguồn nước* là biện pháp phòng, chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, bảo đảm an toàn nguồn nước và bảo vệ khả năng phát triển tài nguyên nước.

8. Giấy phép tài nguyên nước bao gồm giấy phép thăm dò nước dưới đất; giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt; giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất; giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.

#### **Điều 4. Các hành vi bị nghiêm cấm**

Các hành vi bị cấm quy định tại Điều 9 Luật Tài nguyên nước 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012, cụ thể như sau:

1. Đổ chất thải, rác thải, đổ hoặc làm rò rỉ các chất độc hại vào nguồn nước và các hành vi khác gây ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước.

2. Xả nước thải, đưa các chất thải vào vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt; xả nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào nguồn nước.

3. Xả khí thải độc hại trực tiếp vào nguồn nước; xả nước thải vào lòng đất thông qua các giếng khoan, giếng đào và các hình thức khác nhằm đưa nước thải vào trong lòng đất; gian lận trong việc xả nước thải.

4. Đặt vật cản, chướng ngại vật, xây dựng công trình kiến trúc, trồng cây trái phép gây cản trở thoát lũ, lưu thông nước ở các sông, suối, hồ, kênh, rạch.

5. Khai thác trái phép cát, sỏi trên sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa; khai thác khoáng sản, khoan, đào, xây dựng nhà cửa, vật kiến trúc, công trình và các hoạt động khác trong hành lang bảo vệ nguồn nước gây sạt, lở bờ sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng, uy hiếp đến sự ổn định, an toàn của sông, suối, kênh, rạch, hồ chứa.

6. Phá hoại công trình bảo vệ, khai thác, sử dụng, quan trắc, giám sát tài nguyên nước, công trình phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

7. Cản trở hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước, quyền khai thác, sử dụng tài nguyên nước hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

8. Thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất trái phép.

9. Không tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa, liên hồ chứa do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

10. Xây dựng hồ chứa, đập, công trình khai thác nước trái quy hoạch tài nguyên nước.

#### **Điều 5. Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước**

Việc lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân liên quan trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước có ảnh hưởng lớn đến sản xuất, đời sống của nhân dân trên địa bàn tỉnh được quy định tại Điều 2 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Các dự án có xây dựng công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước phải lấy ý kiến bao gồm:

a) Công trình hồ, đập có tổng dung tích từ 500 triệu m<sup>3</sup> trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước mặt với lưu lượng từ 10 m<sup>3</sup>/giây trở lên;

b) Công trình chuyển nước giữa các nguồn nước;

c) Công trình hồ, đập làm gián đoạn dòng chảy tự nhiên của sông, suối trên một đoạn có chiều dài từ một (01) km trở lên;

d) Công trình xả nước thải vào nguồn nước có lưu lượng từ 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên;

đ) Công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất có lưu lượng từ 12.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên;

e) Các trường hợp quy định tại Khoản này nếu có yếu tố bí mật quốc gia thì không phải thực hiện việc lấy ý kiến.

2. Thời điểm lấy ý kiến:

a) Trong quá trình lập dự án đầu tư đối với trường hợp quy định tại Điểm a, b, c và Điểm d Khoản 1 Điều này;

b) Trong quá trình thăm dò đối với công trình khai thác nước dưới đất quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này.

3. Nội dung thông tin cung cấp để tổ chức lấy ý kiến bao gồm:

a) Thuyết minh và thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình (báo cáo nghiên cứu khả thi) kèm theo tờ trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định dự án;

b) Kế hoạch triển khai xây dựng công trình;

c) Tiến độ xây dựng công trình;

d) Các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước, đảm bảo nước cho các đối tượng sử dụng ở thượng và hạ lưu công trình trong quá trình xây dựng, vận hành công trình, thời gian công trình không vận hành;

đ) Các thông tin quy định tại Khoản 1 Điều 6 của Quy chế này;

e) Các số liệu, tài liệu khác liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

4. Cơ quan tổ chức lấy ý kiến:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi nguồn nước nội tỉnh chảy qua, tổ chức lấy ý kiến đối với công trình khai thác, sử dụng nguồn nước nội tỉnh, xả nước thải vào nguồn nước nội tỉnh quy định tại Điểm a, c và Điểm d Khoản 1 Điều này;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nơi nguồn nước liên tỉnh chảy qua, tổ chức lấy ý kiến đối với công trình khai thác, sử dụng nguồn nước liên tỉnh, xả nước thải vào nguồn nước liên tỉnh quy định tại Điểm a, c và Điểm d Khoản 1 Điều này;

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện, nơi có nguồn nước nội tỉnh bị chuyển nước, tổ chức lấy ý kiến đối với công trình chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh;

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nơi có nguồn nước liên tỉnh bị chuyển nước chảy qua, tổ chức lấy ý kiến đối với công trình chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh;

đ) Ủy ban nhân dân cấp huyện, nơi dự kiến bố trí công trình khai thác nước dưới đất, tổ chức lấy ý kiến đối với công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều này.

#### 5. Trình tự lấy ý kiến:

a) Chủ dự án gửi các tài liệu, nội dung quy định tại Khoản 3 Điều này đến Ủy ban nhân dân cấp huyện và Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện, hoặc đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện: thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ dự án, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng hoặc đối thoại trực tiếp với chủ dự án và tổng hợp ý kiến trình Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi cho chủ dự án.

c) Trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Trong thời hạn bốn mươi (40) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ dự án, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp hoặc đối thoại trực tiếp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng và tổng hợp ý kiến trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi cho Chủ dự án.

d) Ngoài các nội dung thông tin quy định tại Khoản 3 Điều này, Chủ dự án có trách nhiệm cung cấp bổ sung các số liệu, báo cáo, thông tin về dự án nếu các cơ quan quy định tại Khoản 4 Điều này có yêu cầu và trực tiếp báo cáo, thuyết minh, giải trình tại các cuộc họp lấy ý kiến để làm rõ các vấn đề liên quan đến dự án.

6. Chủ dự án có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý. Văn bản góp ý và tổng hợp tiếp thu, giải trình là thành phần của hồ sơ dự án khi trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt và phải được gửi kèm theo hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước.

7. Việc lấy ý kiến hoặc thông báo trước khi lập dự án đối với các dự án đầu tư quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 6 của Luật tài nguyên nước được thực hiện như sau:

#### a) Đối với dự án có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh:

- Chủ dự án gửi văn bản lấy ý kiến kèm theo quy mô, phương án chuyển nước và các thông tin, số liệu, tài liệu liên quan tới Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi nguồn nước nội tỉnh bị chuyển nước và Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Trong thời hạn bốn mươi (40) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ dự án, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp với các cơ quan, tổ chức có liên quan cho ý kiến về quy mô, phương án chuyển nước đề xuất hoặc đối thoại trực tiếp với chủ dự án; tổng hợp ý kiến và gửi cho chủ dự án.

b) Đối với dự án có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh:

- Chủ dự án gửi văn bản lấy ý kiến kèm theo quy mô, phương án chuyển nước, phương án xây dựng công trình và các thông tin, số liệu, tài liệu liên quan tới Ủy ban nhân dân các tỉnh nơi nguồn nước liên tỉnh bị chuyển nước hoặc Ủy ban nhân dân các tỉnh nơi dòng chính chảy qua, tổ chức lưu vực sông và các Sở Tài nguyên và Môi trường liên quan;

- Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ dự án, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi các tài liệu đến các sở, ban, ngành liên quan thuộc tỉnh;

- Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị xin ý kiến của chủ dự án:

+ Tổ chức lưu vực sông có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho chủ dự án;

+ Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức các buổi làm việc, cuộc họp với các sở, ban, ngành liên quan thuộc tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan cho ý kiến về công trình dự kiến xây dựng hoặc đối thoại trực tiếp với chủ dự án tổng hợp ý kiến và trình Ủy ban nhân dân tỉnh để gửi chủ dự án.

c) Đối với dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng nhánh thuộc lưu vực sông liên tỉnh:

Trước khi triển khai lập dự án đầu tư, chủ dự án phải thông báo về quy mô, phương án đề xuất xây dựng công trình cho tổ chức lưu vực sông, Ủy ban nhân dân các tỉnh thuộc lưu vực sông.

d) Trên cơ sở các ý kiến góp ý, chủ dự án hoàn chỉnh phương án xây dựng công trình gửi cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép tài nguyên nước xem xét, chấp thuận về quy mô, phương án xây dựng công trình trước khi lập dự án đầu tư.

8. Kinh phí tổ chức lấy ý kiến do chủ dự án chi trả.

### **Điều 6. Công khai thông tin**

Việc công khai thông tin về những nội dung liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước được quy định tại Điều 3 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ cụ thể như sau:

1. Chủ dự án quy định tại Điểm a, b, c, d và Điểm đ Khoản 1 Điều 5 của Quy chế này phải công bố công khai các thông tin sau đây:

a) Đối với công trình quy định tại Điểm a, b và Điểm c Khoản 1 Điều 5 của Quy chế này:

- Mục đích khai thác, sử dụng nước;
  - Nguồn nước khai thác, sử dụng;
  - Vị trí công trình khai thác, sử dụng nước;
  - Phương thức khai thác, sử dụng nước;
  - Lượng nước khai thác, sử dụng;
  - Thời gian khai thác, sử dụng;
  - Các đặc tính cơ bản của hồ, đập trong trường hợp xây dựng hồ, đập.
- b) Đối với công trình quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 5 của Quy chế này:

- Loại nước thải;
- Nguồn nước tiếp nhận nước thải;
- Vị trí xả nước thải;
- Lưu lượng, phương thức xả nước thải;
- Giới hạn thông số và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải.

c) Đối với công trình khai thác nước dưới đất quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 5 của Quy chế này:

- Mục đích khai thác, sử dụng nước;
- Vị trí công trình khai thác nước;
- Tầng chứa nước khai thác, độ sâu khai thác;
- Tổng số giếng khai thác;
- Tổng lượng nước khai thác, sử dụng;
- Chế độ khai thác;
- Thời gian khai thác, sử dụng.

2. Việc công khai thông tin được thực hiện theo các hình thức sau đây:

a) Thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng của Ủy ban nhân dân các huyện và trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Khoản 3 Điều 5 của Quy chế này;

b) Ba mươi (30) ngày làm việc trước khi khởi công và trong suốt quá trình xây dựng công trình, chủ dự án phải niêm yết công khai thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này tại Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân xã và tại địa điểm nơi xây dựng công trình.

## **Chương II**

### **TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC**

**Điều 7.** Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh và phân công, phân cấp quản lý cho các cấp theo quy định của pháp luật và theo Quy chế này.

**Điều 8. Trách nhiệm của các ngành**

**1. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước;

b) Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan lập quy hoạch tài nguyên nước, kế hoạch điều tra cơ bản, điều hòa, phân phối tài nguyên nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức công bố và thực hiện quy hoạch tài nguyên trên địa bàn tỉnh;

c) Khoanh định vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, lập Danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất, ngưỡng giới hạn khai thác nước dưới đất trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; hướng dẫn việc đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với trường hợp phải đăng ký theo quy định;

d) Xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, lập danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ và các ao hồ không được san lấp, vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức công bố dòng chảy tối thiểu và danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ, danh mục hồ, ao không được san lấp.

đ) Hướng dẫn, tiếp nhận, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, cấp lại, đình chỉ, thu hồi giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất, giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất; chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; trả kết quả cấp phép và lưu trữ hồ sơ cấp phép theo quy định;

e) Thanh tra, kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền việc tuân thủ nội dung Giấy phép của chủ giấy phép; báo cáo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ, thu hồi giấy phép khi phát hiện chủ giấy phép có hành vi vi phạm theo quy định;

f) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Cục Quản lý tài nguyên nước. Tổng hợp thông tin liên quan đến tình hình cấp phép và thực hiện giấy phép;

g) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tài nguyên nước và các văn bản pháp luật khác có liên quan để quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước có hiệu quả;

h) Tổ chức lấy ý kiến cộng đồng theo quy định; thỏa thuận về nguồn nước cho các dự án có khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước; cung cấp thông tin về tài nguyên nước trong phạm vi quản lý theo quy định.

**2. Cục thuế tỉnh:** Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành liên quan tuyên truyền, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành nghĩa vụ kê khai, nộp thuế khai thác tài nguyên nước của các tổ chức, cá nhân theo quy định; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

**3. Sở Tài chính:** Chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan xây dựng và đề xuất mức thu phí, lệ phí quản lý tài nguyên nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

#### **4. Sở Xây dựng**

a) Định kỳ hàng năm (trước ngày 05 tháng 12) cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường số liệu, dữ liệu quản lý nhà nước về hiện trạng, quy hoạch cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải đô thị;

b) Phối hợp với các Sở ban ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng, tổ chức thực hiện quy hoạch cấp thoát nước đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư tập trung.

#### **5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

a) Định kỳ hàng năm (trước ngày 05 tháng 12) cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường số liệu, dữ liệu quản lý nhà nước về sử dụng nước trong nông nghiệp, công trình thủy lợi, hồ chứa thủy lợi, thủy điện, dự án khác sử dụng tài nguyên nước; dữ liệu nước sinh hoạt nông thôn.

b) Phối hợp hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc ngành mình quản lý có khai thác sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước thực hiện các quy định pháp luật về tài nguyên nước.

c) Phối hợp với các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng, tổ chức thực hiện quy hoạch thủy lợi, cấp nước sinh hoạt nông thôn.

**6. Sở Khoa học và Công nghệ:** Kiểm tra, thẩm định, đánh giá các phương án công nghệ phù hợp áp dụng cho các nhà máy xử lý nước khai thác, trạm xử lý nước thải;

**7. Sở Y tế:** Kiểm tra, giám sát định kỳ chất lượng nước khai thác của các tổ chức, cá nhân cho mục đích ăn uống, sinh hoạt, đặc biệt đối với các đơn vị kinh doanh nước sạch.

**8. Sở Công thương:** Phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng, tổ chức thực hiện quy hoạch thủy điện; thẩm định phương án phòng chống lụt bão các hồ chứa, phương án bảo đảm an toàn đập thủy điện.

**9. Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, chỉ đạo chủ đầu tư các dự án liên quan đến việc bảo vệ, sử dụng, khai

thác tài nguyên nước thực hiện việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư và thực hiện việc cấp giấy phép tài nguyên nước trước khi quyết định đầu tư.

**10. Các Sở, ban, ngành liên quan:** Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc thống nhất quản lý, cấp phép về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh theo quy định; tham gia ý kiến bằng văn bản về việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước đối với các trường hợp do UBND tỉnh cấp trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị cấp phép của tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

**11. Công an tỉnh:** Chủ động phòng ngừa, đấu tranh phòng chống tội phạm và các quy định của pháp luật trong quản lý khai thác, sử dụng và xả nước thải vào nguồn nước; phối hợp với các cơ quan chức năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

**12. Đề nghị Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Điện Biên và các tổ chức thành viên:** Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động các thành viên của tổ chức và nhân dân tham gia bảo vệ tài nguyên nước; giám sát việc thực hiện pháp luật tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

**Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện)**

1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để các tổ chức, cá nhân thực hiện trách nhiệm về cấp phép tài nguyên nước trên địa bàn.

2. Kiểm tra, giám sát các công trình thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn mình quản lý. Nếu phát hiện thấy có dấu hiệu vi phạm tại các công trình trên địa bàn, xử lý vi phạm theo thẩm quyền. Nếu xảy ra tình huống bất khả kháng, cần có ngay biện pháp khắc phục trong khả năng đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường trong vòng ba (3) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện tình huống bất khả kháng để có biện pháp khắc phục kịp thời. Báo cáo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền đình chỉ, thu hồi giấy phép khi phát hiện chủ giấy phép có hành vi vi phạm theo quy định.

3. Hướng dẫn, xác nhận tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất theo thẩm quyền cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn; quản lý, lưu trữ hồ sơ theo quy định.

4. Lập sổ theo dõi, cập nhật số liệu; định kỳ hàng năm (trước ngày 05 tháng 12) tổng hợp, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả đăng ký khai thác nước dưới đất, của các tổ chức, cá nhân và công tác quản lý tài nguyên nước trên địa bàn.

5. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện trám lấp giếng khoan trên địa bàn thuộc thẩm quyền theo quy định.

6. Lấy ý kiến cộng đồng dân cư trên địa bàn mình quản lý theo quy định tại Điểm a, c, d Khoản 4, Điều 5 của Quy chế này.

7. Tham gia ý kiến bằng văn bản về việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước đối với các trường hợp do UBND tỉnh cấp trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị cấp phép của tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

**Điều 10. Trách nhiệm của UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã)**

1. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về tài nguyên nước; tổ chức hòa giải, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực tài nguyên nước theo quy định;

2. Rà soát, lập danh sách, thông báo và phát tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất, xả nước thải của các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định trên địa bàn mình quản lý. Tiếp nhận tờ khai và nộp cho ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận theo quy định. Quản lý, lưu trữ hồ sơ, lập sổ theo dõi theo quy định.

3. Quản lý, kiểm tra các công trình thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn mình quản lý; nếu phát hiện thấy có dấu hiệu vi phạm tại các công trình trên địa bàn thì xử lý vi phạm theo thẩm quyền đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm. Nếu xảy ra tình huống bất khả kháng, cần có ngay biện pháp khắc phục đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Thực hiện điều tra, thống kê, tổng hợp, phân loại giếng phải trám lấp, kiểm tra việc thực hiện trình tự, thủ tục, yêu cầu kỹ thuật trong việc trám lấp giếng theo thẩm quyền.

### **Chương III**

## **ĐĂNG KÝ, CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC**

**Điều 11. Các trường hợp phải đăng ký khai thác nước dưới đất.**

Tổ chức cá nhân có giếng khoan khai thác nước dưới đất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch có quy mô không vượt quá 10 m<sup>3</sup>/ngày đêm, giếng khoan khai thác nước dưới đất cho sinh hoạt của hộ gia đình, cơ các hoạt động văn hóa, tôn giáo nghiên cứu khoa học nằm trong các khu vực quy định dưới đây và có chiều sâu lớn hơn 20m thì phải thực hiện việc đăng ký khai thác nước dưới đất.

- Khu vực có mực nước dưới đất đã bị thấp hơn mực nước hạ thấp cho phép do UBND tỉnh quy định; khu vực có mực nước dưới đất bị suy giảm ba (03) năm liên tục và có nguy cơ bị hạ thấp hơn mực nước hạ thấp cho phép;

- Khu vực bị sụt lún đất, biến dạng công trình do khai thác nước dưới đất gây ra; khu đô thị, khu dân cư nông thôn nằm trong vùng có đá vôi hoặc nằm trong vùng có cấu trúc nền đất yếu;

- Khu vực đã bị ô nhiễm hoặc gia tăng ô nhiễm do khai thác nước dưới đất gây ra; khu vực nằm trong phạm vi khoảng cách nhỏ hơn một (01) km tới các bãi rác tập trung, bãi chôn lấp chất thải, nghĩa trang và các nguồn thia nguy hại khác;

- Khu đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn, khu chế xuất, khu, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề đã được đấu nối với hệ thống cấp nước tập trung và đảm bảo cung cấp nước ổn định cả về số lượng và chất lượng

### **Điều 12. Đăng ký khai thác nước dưới đất**

1. Trường hợp quy định tại Điều 11, thực hiện việc đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp huyện

2. Trình tự thực hiện thủ tục đăng ký

- Sau khi Sở Tài nguyên và Môi trường công bố Danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện rà soát, lập danh sách tổ chức, cá nhân có giếng khoan khai thác nước dưới đất thuộc diện phải đăng ký trên địa bàn cụ thể như sau: Tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn, bản (sau đây gọi là tổ trưởng tổ dân phố) thực hiện rà soát, lập danh sách tổ chức, cá nhân có giếng khoan khai thác nước dưới đất thuộc diện phải đăng ký; thông báo và phát hai (02) tờ khai quy định tại (Mẫu 38 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường) cho tổ chức, cá nhân để kê khai.

- Trường hợp chưa có giếng khoan, tổ chức, cá nhân phải thực hiện việc đăng ký trước khi tiến hành khoan giếng.

- Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm hoàn thành hai (02) tờ khai và nộp cho cơ quan đăng ký hoặc nộp cho tổ trưởng tổ dân phố để nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nộp cho UBND cấp huyện.

Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ khai từ UBND cấp xã. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra nội dung thông tin, ký xác nhận vào tờ khai trước khi trình UBND cấp huyện ký xác nhận vào tờ khai và gửi một (01) bản cho tổ chức, cá nhân.

c) Trường hợp tổ chức, cá nhân đã đăng ký khai thác nước dưới đất, nếu không tiếp tục khai thác, sử dụng thì phải thông báo và trả tờ khai cho Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc UBND cấp xã để thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện; đồng thời thực hiện việc trám, lấp giếng không sử dụng theo quy định.

Trong khi chờ Sở Tài nguyên và Môi trường công bố Danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên, các trường hợp quy định tại Điều 11 phải thực hiện đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**Điều 13. Nguyên tắc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước được quy định tại Điều 18 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ cụ thể như sau:**

1. Đúng thẩm quyền, đúng đối tượng và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm lợi ích của nhà nước; quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan; bảo vệ tài nguyên nước và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Ưu tiên cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước để cung cấp nước cho sinh hoạt.

4. Không gây cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước khi thực hiện việc thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

5. Phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước đã được phê duyệt.

**Điều 14. Căn cứ cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước được quy định tại Điều 19 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ cụ thể như sau:**

1. Việc cấp phép thăm dò, khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước phải trên cơ sở các căn cứ sau đây:

a) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, ngành, vùng và địa phương;

b) Quy hoạch tài nguyên nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp chưa có quy hoạch tài nguyên nước thì phải căn cứ vào khả năng nguồn nước và phải bảo đảm không gây cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước;

c) Hiện trạng khai thác, sử dụng nước trong vùng;

d) Báo cáo thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hồ sơ cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

đ) Nhu cầu khai thác, sử dụng nước, xả nước thải thể hiện trong đơn đề nghị cấp phép.

2. Trường hợp cấp phép xả nước thải vào nguồn nước, ngoài các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này còn phải căn cứ vào các quy định sau đây:

a) Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải, chất lượng của nguồn nước tiếp nhận nước thải; các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với các hoạt động xả nước thải đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Chức năng của nguồn nước;

c) Khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước;

d) Vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, hành lang bảo vệ nguồn nước.

3. Trường hợp cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất, ngoài các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này còn phải căn cứ vào các quy định về khu vực hạn chế khai thác sau đây:

a) Khu vực có nguồn nước mặt có khả năng đáp ứng ổn định cho các nhu cầu sử dụng nước;

b) Khu vực có mực nước dưới đất bị suy giảm liên tục và có nguy cơ bị hạ thấp quá mức;

c) Khu vực có nguy cơ sụt, lún đất, gia tăng ô nhiễm do khai thác nước dưới đất;

d) Khu vực có nguồn nước dưới đất bị ô nhiễm hoặc có dấu hiệu ô nhiễm nhưng chưa có giải pháp công nghệ xử lý bảo đảm chất lượng;

đ) Khu đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn, khu, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề đã có hệ thống cấp nước tập trung và dịch vụ cấp nước bảo đảm đáp ứng yêu cầu chất lượng, số lượng;

e) Hạn chế về đối tượng, mục đích khai thác;

f) Hạn chế về lưu lượng, thời gian khai thác;

g) Hạn chế về số lượng công trình, độ sâu, tầng chứa nước khai thác.

#### **Điều 15. Điều kiện cấp giấy phép tài nguyên nước**

Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép tài nguyên nước phải có đủ các điều kiện được quy định tại Điều 20 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ và Điều 6 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cụ thể như sau:

1. Đã thực hiện việc thông báo, lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của Quy chế này.

2. Có đề án, báo cáo thăm dò, khai thác nước, xả nước thải phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước đã được phê duyệt hoặc phù hợp với khả năng nguồn nước, khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước nếu chưa có quy hoạch tài nguyên nước. Đề án, báo cáo phải do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường lập; thông tin, số liệu sử dụng để lập đề án, báo cáo phải bảo đảm đầy đủ, rõ ràng, chính xác và trung thực.

Phương án, biện pháp xử lý nước thải thể hiện trong đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước phải bảo đảm nước thải được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; phương án thiết kế công trình hoặc công trình khai thác tài nguyên nước phải phù hợp với quy mô, đối tượng khai thác và đáp ứng yêu cầu bảo vệ tài nguyên nước.

3. Đối với trường hợp xả nước thải vào nguồn nước, ngoài điều kiện quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, còn phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có thiết bị, nhân lực hoặc có hợp đồng thuê tổ chức, cá nhân khác đủ năng lực thực hiện việc vận hành hệ thống xử lý nước thải và quan trắc hoạt động xả nước thải đối với trường hợp đã có công trình xả nước thải;

b) Có phương án bố trí thiết bị, nhân lực để thực hiện việc vận hành hệ thống xử lý nước thải và quan trắc hoạt động xả nước thải đối với trường hợp chưa có công trình xả nước thải;

c) Đối với trường hợp xả nước thải quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 5 của Quy chế này, còn phải có phương án, phương tiện, thiết bị cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước và thực hiện việc giám sát hoạt động xả nước thải theo quy định.

4. Đối với trường hợp khai thác, sử dụng nước dưới đất với quy mô từ 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên, ngoài điều kiện quy định tại các Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, còn phải có thiết bị, nhân lực hoặc có hợp đồng thuê tổ chức, cá nhân có đủ năng lực thực hiện việc quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước theo quy định; trường hợp chưa có công trình thì phải có phương án bố trí thiết bị, nhân lực thực hiện việc quan trắc, giám sát hoạt động khai thác nước.

5. Đối với trường hợp khai thác, sử dụng nước mặt có xây dựng hồ, đập trên sông, suối phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 53 của Luật tài nguyên nước và điều kiện quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này và các điều kiện sau đây:

a) Có phương án bố trí thiết bị, nhân lực để vận hành hồ chứa, quan trắc, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước; phương án quan trắc khí tượng, thủy văn, tổ chức dự báo lượng nước đến hồ để phục vụ vận hành hồ chứa theo quy định đối với trường hợp chưa có công trình;

b) Có quy trình vận hành hồ chứa; có thiết bị, nhân lực hoặc có hợp đồng thuê tổ chức, cá nhân có đủ năng lực để thực hiện việc vận hành hồ chứa, quan trắc, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước, quan trắc khí tượng, thủy văn và dự báo lượng nước đến hồ để phục vụ vận hành hồ chứa theo quy định đối với trường hợp đã có công trình.

6. Hành nghề khoan nước dưới đất phải có các điều kiện sau đây:

a) Có Quyết định thành lập tổ chức của cấp có thẩm quyền hoặc một trong những loại giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế trong đó có nội dung hoạt động liên quan đến ngành nghề khoan nước dưới đất.

b) Người đứng đầu tổ chức hoặc người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật của tổ chức, các nhân hành nghề phải am hiểu các quy định của pháp luật về bảo vệ nước dưới đất và đáp ứng các điều kiện sau:

Đối với hành nghề khoan nước dưới đất quy mô nhỏ:

- Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc các ngành địa chất (địa chất thăm dò, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa kỹ thuật), khoan và có ít nhất hai (02) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề hoặc công nhân

khoan có tay nghề bậc 3/7 hoặc tương đương trở lên và có ít nhất bốn (04) năm kinh nghiệm liên tục trong lĩnh vực hành nghề; đã trực tiếp tham gia thiết kế, lập báo cáo hoặc thi công khoan ít nhất năm (05) công trình khoan nước dưới đất.

- Trường hợp không có một trong các văn bằng quy định nêu trên thì phải có ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm liên tục trong lĩnh vực hành nghề, đã trực tiếp thi công ít nhất mười (10) công trình khoan nước dưới đất và phải có chứng nhận đã qua khóa đào tạo, tập huấn kỹ thuật về bảo vệ tài nguyên nước dưới đất trong hoạt động hành nghề khoan nước dưới đất do Cục quản lý tài nguyên nước hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức.

Đối với hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa:

- Có trình độ chuyên môn tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các ngành địa chất (địa chất thăm dò, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa kỹ thuật), khoan và có ít nhất hai (03) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề hoặc tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc các ngành địa chất (địa chất thăm dò, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa kỹ thuật), khoan và có ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực hành nghề; đã trực tiếp tham gia lập đề án, báo cáo thăm dò, thiết kế hệ thống giếng khai thác hoặc chỉ đạo thi ít nhất năm (05) công trình khoan nước dưới đất có lưu lượng từ 200m<sup>3</sup>/ngày đêm trở lên.

- Máy khoan và các thiết bị thi công khoan phải bảo đảm có tính năng kỹ thuật phù hợp, đáp ứng yêu cầu đối với quy mô hành nghề và an toàn lao động theo quy định hiện hành.

**Điều 16. Các trường hợp khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất, xả nước thải vào nguồn nước không phải đăng ký, không phải xin phép**

1. Khai thác, sử dụng nước cho sinh hoạt của hộ gia đình.

2. Khai thác, sử dụng nước phục vụ các hoạt động văn hóa, tôn giáo, nghiên cứu khoa học.

3. Khai thác, sử dụng nước cho phòng cháy, chữa cháy, ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm, dịch bệnh và các trường hợp khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

4. Các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước với quy mô nhỏ cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ bao gồm:

a) Khai thác nước dưới đất cho các cơ quan, đơn vị, trường học, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô không vượt quá 10 m<sup>3</sup>/ngày đêm;

b) Khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với quy mô không vượt quá 0,1 m<sup>3</sup>/s;

c) Khai thác nước mặt cho các cơ quan, đơn vị, trường học, mục đích kinh doanh, dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp không vượt quá 100m<sup>3</sup>/ngày đêm;

d) Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện với công suất lắp máy không vượt quá 50 kW;

5. Xả nước thải với quy mô nhỏ cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

- a) Xả nước thải sinh hoạt của cá nhân, hộ gia đình;
- b) Xả nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung mà hệ thống đó đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước và có thỏa thuận hoặc hợp đồng xử lý, tiêu thoát nước thải với tổ chức, cá nhân quản lý vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đó;
- c) Xả nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô không vượt quá  $5\text{m}^3/\text{ngày đêm}$  và không chứa hóa chất độc hại, chất phóng xạ;
- d) Xả nước thải nuôi trồng thủy sản với quy mô không vượt quá  $10.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$  hoặc nuôi trồng thủy sản trên sông, suối, hồ chứa.

Tổ chức cá nhân khai thác sử dụng tài nguyên nước không thuộc quy định tại các khoản 1,2,3,4,5 của Điều này thì phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất, xả nước thải vào nguồn nước trước khi quyết định việc đầu tư.

### **Điều 17. Thẩm quyền cấp phép**

Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung, cấp lại giấy phép tài nguyên nước, chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước đối với các trường hợp sau:

1. Thăm dò, khai thác nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới  $3.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ ;
2. Khai thác và sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới  $2\text{m}^3/\text{giờ}$ ;
3. Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện với công suất lắp máy dưới  $2.000\text{kW}$ ;
4. Khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác với lưu lượng dưới  $50.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ ;
5. Xả nước thải (nuôi trồng thủy sản) vào nguồn nước với lưu lượng dưới  $30.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ ;
6. Xả nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô từ  $5\text{m}^3/\text{ngày đêm}$  đến dưới  $3.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ ;
7. Xả nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô dưới  $5\text{m}^3/\text{ngày đêm}$  hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:
  - a. Dệt nhuộm; may mặc có công đoạn nhuộm, in hoa; giặt là có công đoạn giặt tẩy;
  - b. Luyện kim, tái chế kim loại, mạ kim loại; sản xuất linh kiện điện tử;
  - c. Xử lý, tái chế chất thải công nghiệp; thuộc da, tái chế da;
  - d. Chế biến khoáng sản có sử dụng hóa chất; lọc hóa dầu, chế biến sản phẩm dầu mỏ;

đ. Sản xuất giấy và bột giấy; nhựa, cao su, chất tẩy rửa, phụ gia, phân bón, hóa chất, dược phẩm, đông dược, hóa mỹ phẩm, thuốc bảo vệ thực vật; pin, ắc quy; mây tre đan, chế biến gỗ có ngâm tẩm hóa chất; chế biến tinh bột sắn, bột ngọt;

e. Khám chữa bệnh có phát sinh nước thải y tế;

g. Thực hiện thí nghiệm có sử dụng hóa chất, chất phóng xạ.

8. Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô nhỏ và vừa cụ thể:

a. Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô nhỏ là hành nghề khoan và lắp đặt các giếng khoan nước dưới đất có đường kính ống chống hoặc ống vách nhỏ hơn 110milimet và thuộc công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200m<sup>3</sup>/ngày đêm;

b. Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa là hành nghề khoan và lắp đặt các giếng khoan nước dưới đất có đường kính ống chống hoặc ống vách nhỏ hơn 250milimet và thuộc công trình có lưu lượng từ 200m<sup>3</sup>/ngàyđêm đến dưới 3000m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**Điều 18. Thời hạn của giấy phép tài nguyên nước được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính Phủ và Điều 7 Thông tư 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cụ thể như sau:**

1. Giấy phép khai thác nước mặt có thời hạn tối đa là mười lăm (15) năm, tối thiểu là năm (05) năm và được xem xét gia hạn nhiều lần, mỗi lần gia hạn tối thiểu là ba (03) năm, tối đa là mười (10) năm.

2. Giấy phép thăm dò nước dưới đất có thời hạn là hai (02) năm và được xem xét gia hạn một (01) lần, thời gian gia hạn không quá một (01) năm.

3. Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất có thời hạn tối đa là mười (10) năm, tối thiểu là ba (03) năm và được xem xét gia hạn nhiều lần, mỗi lần gia hạn tối thiểu là hai (02) năm, tối đa là năm (05) năm.

4. Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước có thời hạn tối đa là mười (10) năm, tối thiểu là ba (03) năm và được xem xét gia hạn nhiều lần, mỗi lần gia hạn tối thiểu là hai (02) năm, tối đa là năm (05) năm.

Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp hoặc gia hạn giấy phép với thời hạn ngắn hơn thời hạn tối thiểu quy định tại khoản này thì giấy phép được cấp hoặc gia hạn theo thời hạn đề nghị trong đơn.

Căn cứ điều kiện của từng nguồn nước, mức độ chi tiết của thông tin, số liệu điều tra, đánh giá tài nguyên nước và hồ sơ đề nghị cấp hoặc gia hạn giấy phép của tổ chức, cá nhân, cơ quan cấp phép quyết định cụ thể thời hạn của giấy phép.

5. Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất là năm (05) năm và được xem xét gia hạn nhiều lần, mỗi lần gia hạn là ba (03) năm.

**Điều 19. Gia hạn giấy phép tài nguyên nước được thực hiện theo Điều 22 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ và Điều 8**

**Thông tư 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cụ thể như sau:**

1. Việc gia hạn giấy phép thăm dò, khai thác tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước phải căn cứ vào các quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15 của Quy chế này và các điều kiện sau đây:

a) Giấy phép vẫn còn hiệu lực và hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép được nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước thời điểm Giấy phép hết hiệu lực ít nhất chín mươi (90) ngày;

b) Đến thời điểm đề nghị gia hạn, tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép đã hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến giấy phép đã được cấp theo quy định của pháp luật và không có tranh chấp;

c) Tại thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép, kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước của tổ chức, cá nhân phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước, khả năng đáp ứng của nguồn nước.

2. Trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép khác với quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì tổ chức, cá nhân thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép mới.

3. Việc gia hạn giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất căn cứ vào điều kiện quy định tại Điều 8 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014.

**Điều 20. Điều chỉnh giấy phép tài nguyên nước được thực hiện theo Điều 23 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ và Điều 9 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cụ thể như sau:**

1. Các trường hợp điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất:

a) Điều kiện mặt bằng không cho phép thi công một số hạng mục trong đề án thăm dò đã được phê duyệt;

b) Có sự khác biệt giữa cấu trúc địa chất thủy văn thực tế và cấu trúc địa chất thủy văn dự kiến trong đề án thăm dò đã được phê duyệt;

c) Khối lượng các hạng mục thăm dò thay đổi vượt quá 10% so với khối lượng đã được phê duyệt.

2. Các trường hợp điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước:

a) Nguồn nước không bảo đảm việc cung cấp nước bình thường;

b) Nhu cầu khai thác, sử dụng nước tăng mà chưa có biện pháp xử lý, bổ sung nguồn nước;

c) Xảy ra các tình huống khẩn cấp cần phải hạn chế việc khai thác, sử dụng nước;

d) Khai thác nước gây sụt, lún mặt đất, biến dạng công trình, cạn kiệt, ô nhiễm nghiêm trọng nguồn nước;

e) Lượng nước thực tế khai thác của chủ giấy phép nhỏ hơn 70% so với

lượng nước được cấp phép trong thời gian mười hai (12) tháng liên tục mà không thông báo lý do cho cơ quan cấp phép;

d) Chủ giấy phép đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khác với quy định tại khoản 4 Điều này.

3. Các trường hợp điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước:

a) Nguồn nước không còn khả năng tiếp nhận nước thải;

b) Nhu cầu xả nước thải tăng mà chưa có biện pháp xử lý, khắc phục;

c) Xảy ra các tình huống khẩn cấp cần phải hạn chế việc xả nước thải vào nguồn nước;

d) Do chuyển đổi chức năng nguồn nước;

e) Chủ giấy phép đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép khác với quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Các nội dung trong giấy phép không được điều chỉnh:

a) Nguồn nước khai thác, sử dụng; nguồn nước tiếp nhận nước thải;

b) Lượng nước khai thác, sử dụng vượt quá 25% quy định trong giấy phép đã được cấp;

c) Lượng nước xả vượt quá 25% quy định trong giấy phép đã được cấp;

d) Thông số, nồng độ các chất ô nhiễm, quy chuẩn áp dụng quy định trong giấy phép xả nước thải, trừ trường hợp cơ quan cấp phép yêu cầu điều chỉnh hoặc chủ quản lý vận hành công trình xả thải đề nghị áp dụng mức quy chuẩn cao hơn.

Trường hợp cần điều chỉnh nội dung quy định tại khoản này, chủ giấy phép phải làm hồ sơ đề nghị cấp giấy phép mới.

5. Trường hợp chủ giấy phép đề nghị điều chỉnh giấy phép thì chủ giấy phép phải lập hồ sơ điều chỉnh giấy phép theo Quy chế này; trường hợp cơ quan cấp phép điều chỉnh giấy phép thì cơ quan cấp phép phải thông báo cho chủ giấy phép biết trước ít nhất chín mươi (90) ngày.

6. Điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất được quy định tại Điều 9 của Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 21. Đình chỉ hiệu lực giấy phép tài nguyên nước được thực hiện theo Điều 24 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ và Điều 10 Thông tư 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cụ thể như sau:**

1. Giấy phép bị đình chỉ hiệu lực khi chủ giấy phép có một trong những hành vi vi phạm sau đây:

a) Vi phạm nội dung quy định trong giấy phép gây ô nhiễm, cạn kiệt nghiêm trọng nguồn nước;

b) Chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước mà không được cơ quan

có thẩm quyền cấp giấy phép chấp thuận;

c) Không thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định;

d) Lợi dụng giấy phép để tổ chức hoạt động trái quy định của pháp luật.

2. Thời hạn đình chỉ giấy phép:

a. Không quá ba (3) tháng đối với giấy phép thăm dò nước dưới đất;

b. Không quá mười hai (12) tháng đối với giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

3. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép quyết định thời hạn đình chỉ hiệu lực của giấy phép.

Trong thời gian giấy phép bị đình chỉ hiệu lực, chủ giấy phép không có các quyền liên quan đến giấy phép và phải có biện pháp khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.

4. Khi hết thời hạn đình chỉ hiệu lực của giấy phép mà cơ quan cấp phép không có quyết định khác thì chủ giấy phép được tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

5. Đình chỉ hiệu lực giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất được quy định tại Khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 22. Thu hồi giấy phép tài nguyên nước được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ và Điều 10 Thông tư 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cụ thể như sau:**

1. Việc thu hồi giấy phép được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Chủ giấy phép bị phát hiện giả mạo tài liệu, kê khai không trung thực các nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoặc sửa chữa làm sai lệch nội dung của giấy phép;

b) Tổ chức là chủ giấy phép bị giải thể hoặc bị Tòa án tuyên bố phá sản; cá nhân là chủ giấy phép bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị tuyên bố mất tích;

c) Chủ giấy phép vi phạm quyết định đình chỉ hiệu lực của giấy phép, tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần các quy định của giấy phép;

d) Giấy phép được cấp không đúng thẩm quyền;

đ) Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi giấy phép vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng;

e) Giấy phép đã được cấp nhưng chủ giấy phép không thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

2. Trong trường hợp giấy phép bị thu hồi do vi phạm quy định tại các điểm a, c khoản 1 Điều này, chủ giấy phép chỉ được xem xét cấp giấy phép mới sau ba (3) năm, kể từ ngày giấy phép bị thu hồi sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ

liên quan đến việc thu hồi giấy phép cũ.

3. Trong trường hợp giấy phép bị thu hồi theo quy định tại các điểm d Khoản 1 Điều này thì Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét cấp giấy phép mới.

4. Trường hợp giấy phép bị thu hồi theo quy định tại các điểm đ Khoản 1 Điều này thì chủ giấy phép được nhà nước bồi thường thiệt hại, hoàn trả tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

5. Thu hồi giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất được quy định tại Khoản 2,3, 4 Điều 10 của Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 23. Trả lại giấy phép, chấm dứt hiệu lực của giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước được thực hiện theo Điều 26 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ cụ thể như sau:**

1. Giấy phép tài nguyên nước đã được cấp nhưng chủ giấy phép không sử dụng hoặc không có nhu cầu sử dụng tiếp thì có quyền trả lại cho cơ quan cấp giấy phép và thông báo lý do.

2. Giấy phép bị chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

a) Giấy phép bị thu hồi;

b) Giấy phép đã hết hạn;

c) Giấy phép đã được trả lại.

3. Khi giấy phép bị chấm dứt hiệu lực thì các quyền liên quan đến giấy phép cũng chấm dứt.

**Điều 24. Cấp lại giấy phép tài nguyên nước được thực hiện theo Điều 27 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ và Điều 15 của Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cụ thể như sau:**

1. Giấy phép đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước được cấp lại trong các trường hợp sau đây:

a) Giấy phép bị mất, bị rách nát, hư hỏng;

b) Tên của chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do nhận chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức làm thay đổi chủ quản lý, vận hành công trình thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước nhưng không có sự thay đổi các nội dung khác của giấy phép.

2. Thời hạn ghi trong giấy phép được cấp lại là thời hạn còn lại theo giấy phép đã được cấp trước đó.

3. Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất được cấp lại theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 của Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 25. Cơ quan tiếp nhận và quản lý hồ sơ, giấy phép**

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.

**Điều 26. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất được thực hiện theo Điều 30 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ và chương III Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cụ thể như sau:**

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép (Mẫu 01 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường);

b) Đề án thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm (Mẫu 22 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường); thiết kế giếng thăm dò đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm (Mẫu 23 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất bao gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh nội dung giấy phép (Mẫu 02 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường);

b) Báo cáo tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép (Mẫu 24 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường);

c) Bản sao giấy phép đã được cấp.

**Điều 27. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất được thực hiện theo Điều 31 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ và chương III Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cụ thể như sau:**

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép (Mẫu 03 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường);

b) Sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất;

c) Báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất kèm theo phương án khai thác đối với công trình có quy mô từ 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm đến dưới 3.000m<sup>3</sup>/ngày đêm (Mẫu 25 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường) hoặc báo cáo kết quả thi công giếng khai thác đối với công trình có quy mô nhỏ hơn 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm (Mẫu 26 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường) trong trường hợp chưa có công trình khai thác; báo cáo hiện trạng khai thác đối với trường hợp công trình khai thác nước dưới đất đang hoạt động (Mẫu 27 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường);

d) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá sáu (06) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

Trường hợp chưa có công trình khai thác nước dưới đất, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải nộp trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất bao gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép (Mẫu 04 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường);

b) Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước và tình hình thực hiện giấy phép (Mẫu 28 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường). Trường hợp điều chỉnh giấy phép có liên quan đến quy mô công trình, số lượng giếng khai thác, mực nước khai thác thì phải nêu rõ phương án khai thác nước;

c) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá sáu (06) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

d) Bản sao giấy phép đã được cấp.

**Điều 28. Hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt được thực hiện theo Điều 32 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ và chương III Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cụ thể như sau:**

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép (Mẫu 05 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường);

b) Đề án khai thác, sử dụng nước đối với trường hợp chưa có công trình khai thác (Mẫu 29 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường); báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước (Mẫu 30 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường) kèm theo quy trình vận hành đối với trường hợp đã có công trình khai thác (nếu thuộc trường hợp quy định phải có quy trình vận hành);

c) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá ba (03) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

d) Sơ đồ vị trí công trình khai thác nước.

Trường hợp chưa có công trình khai thác nước mặt, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải nộp trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt bao gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép (Mẫu 06 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường);

b) Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước và tình hình thực hiện giấy phép (Mẫu 31 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường). Trường hợp điều chỉnh quy mô công trình, phương thức, chế độ khai thác sử dụng nước, quy trình vận hành công trình thì phải kèm theo đề án khai thác nước (Mẫu 29 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường);

c) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước không quá ba (03) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

d) Bản sao giấy phép đã được cấp.

**Điều 29. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước được thực hiện theo Điều 33 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ và chương III Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cụ thể như sau:**

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép (Mẫu 09 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường);

b) Đề án xả nước thải vào nguồn nước (Mẫu 35 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ) kèm theo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải đối với trường hợp chưa xả nước thải; Báo cáo hiện trạng xả nước thải (Mẫu 36 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường) kèm theo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải đối với trường hợp đang xả nước thải vào nguồn nước;

c) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước tiếp nhận tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước (đối với trường hợp xả trực tiếp nước thải vào nguồn nước); kết quả phân tích chất lượng nước thải trước và sau khi xử lý đối với trường hợp đang xả nước thải. Thời điểm lấy mẫu phân tích chất lượng nước không quá ba (03) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

d) Sơ đồ vị trí khu vực xả nước thải.

Trường hợp chưa có công trình xả nước thải vào nguồn nước, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép phải nộp trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nước bao gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh giấy phép (Mẫu 10 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường);

b) Kết quả phân tích chất lượng nước thải trước và sau khi xử lý và chất lượng nguồn nước tiếp nhận tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước (đối với trường hợp xả trực tiếp nước thải vào nguồn nước). Thời điểm lấy mẫu phân tích chất lượng nước không quá ba (03) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

c) Báo cáo hiện trạng xả nước thải và tình hình thực hiện các quy định trong giấy phép (Mẫu 37 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường). Trường hợp điều chỉnh quy mô, phương thức, chế độ xả nước thải, quy trình vận hành thì phải có đề án xả nước thải (Mẫu 35 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường);

d) Bản sao giấy phép đã được cấp.

**Điều 30. Hồ sơ cấp lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước được thực hiện theo Điều 34 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính Phủ và chương III Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cụ thể như sau:**

1. Đơn đề nghị cấp lại giấy phép (Mẫu 11 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

2. Tài liệu chứng minh lý do đề nghị cấp lại giấy phép.

**Điều 31. Trình tự thực hiện thủ tục cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước được thực hiện theo Điều 35 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ cụ thể như sau:**

1. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp hai (02) bộ hồ sơ và nộp phí thẩm định hồ sơ theo quy định của pháp luật cho Sở Tài nguyên và Môi trường, đồng thời nộp một (01) cho Ủy ban nhân cấp huyện nơi dự định đặt công trình.

b) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

2. Thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trong hồ sơ đề nghị cấp phép (sau đây gọi chung là đề án, báo cáo):

a) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo; nếu cần thiết thì kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định đề án, báo cáo. Trường hợp đủ điều kiện cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo lý do không cấp phép;

b) Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc;

c) Trường hợp phải lập lại đề án, báo cáo, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung đề án, báo cáo chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ đề nghị cấp phép.

### 3. Quyết định cấp phép

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cấp giấy phép; trường hợp không chấp nhận cấp phép, phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do để Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

### 4. Trả kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép

Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

**Điều 32. Trình tự thực hiện thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung, cấp lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước được thực hiện theo Điều 36 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ cụ thể như sau:**

#### 1. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) nộp hai (02) bộ hồ sơ và nộp phí thẩm định hồ sơ theo quy định của pháp luật cho Sở Tài nguyên và Môi trường, đồng thời phải nộp một (01) bộ hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự định đặt công trình;

b) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung hoàn thiện mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo rõ lý do.

#### 2. Thẩm định đề án, báo cáo đối với trường hợp gia hạn, điều chỉnh giấy phép:

a) Trong thời hạn hai mươi lăm (25) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo, nếu cần thiết kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định đề án, báo cáo. Trường hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh giấy

phép thì trình cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Trường hợp không đủ điều kiện để gia hạn, điều chỉnh giấy phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo lý do không gia hạn, điều chỉnh giấy phép;

b) Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là hai mươi (20) ngày làm việc;

c) Trường hợp phải lập lại đề án, báo cáo, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung đề án, báo cáo chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ.

### 3. Thẩm định hồ sơ đối với trường hợp cấp lại giấy phép:

Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện để cấp lại giấy phép thì trình cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Trường hợp không đủ điều kiện, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo lý do.

### 4. Quyết định cấp phép

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cấp giấy phép; trường hợp không chấp nhận cấp phép, phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do để Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

### 5. Trả kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép:

Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

**Điều 33. Trình tự, thủ tục đình chỉ giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước được thực hiện theo Điều 37 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ cụ thể như sau:**

1. Khi phát hiện chủ giấy phép có các vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 21 của Quy chế này, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm xem xét đình chỉ hiệu lực của giấy phép.

2. Căn cứ vào mức độ vi phạm của chủ giấy phép, mức độ ảnh hưởng của việc đình chỉ giấy phép đến hoạt động sản xuất và đời sống của nhân dân trong vùng, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thời hạn đình chỉ hiệu lực của giấy phép.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh có thể xem xét rút ngắn thời hạn đình chỉ hiệu lực của giấy phép khi chủ giấy phép đã khắc phục hậu quả liên quan đến lý do đình chỉ giấy phép và hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

**Điều 34. Trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép tài nguyên nước thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước được thực hiện theo Điều 38 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ cụ thể như sau:**

1. Khi thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện giấy phép, nếu phát hiện các trường hợp quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 1 Điều 22 của Quy chế này thì cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho UBND tỉnh; nếu phát hiện các trường hợp quy định tại Điểm c, Điểm d Khoản 1 Điều 22 của Quy chế này, thì cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra xử lý theo thẩm quyền, đồng thời báo cáo bằng văn bản cho UBND tỉnh.

Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo, UBND tỉnh có trách nhiệm xem xét việc thu hồi giấy phép.

2. Đối với trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi giấy phép quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 22 của Quy định này thì phải thông báo cho chủ giấy phép biết trước chín mươi (90) ngày.

3. Đối với trường hợp giấy phép bị thu hồi theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 22 của Quy định này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh có trách nhiệm xem xét việc thu hồi giấy phép.

**Điều 35. Chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước được thực hiện theo Điều 39 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ cụ thể như sau:**

1. Điều kiện của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước:

a) Tính tới thời điểm chuyển nhượng, tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã hoàn thành công tác xây dựng cơ bản, đưa công trình khai thác vào hoạt động;

b) Tính đến thời điểm chuyển nhượng, tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng đã hoàn thành nghĩa vụ về tài chính quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 43 của Luật tài nguyên nước và đã nộp đủ tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định; không có tranh chấp về quyền, nghĩa vụ liên quan đến hoạt động khai thác tài nguyên nước.

c) Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã nộp đủ hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường khi giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước còn hiệu lực ít nhất là một trăm hai mươi (120) ngày.

2. Điều kiện của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước:

a) Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng có đủ điều kiện quy định tại Điều 15 của Quy chế này.

b) Bảo đảm không làm thay đổi mục đích khai thác, sử dụng nước.

3. Việc chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước được thể hiện bằng hợp đồng giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật dân sự và có các nội dung chính sau đây:

a) Hiện trạng số lượng, khối lượng, giá trị công trình khai thác, hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư, xây dựng; tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng tính đến thời điểm ký kết hợp đồng chuyển nhượng;

b) Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng trong việc tiếp tục thực hiện các công việc, nghĩa vụ mà tổ chức, cá nhân chuyển nhượng chưa hoàn thành tính đến thời điểm chuyển nhượng.

4. Hồ sơ chuyển nhượng bao gồm:

a) Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước;

b) Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước;

c) Báo cáo kết quả khai thác tài nguyên nước và việc thực hiện các nghĩa vụ đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước;

d) Bản sao (chứng thực) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài còn phải có bản sao (chứng thực) quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam.

5. Trình tự, thủ tục chuyển nhượng:

a) Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng nộp hai (02) bộ hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, chưa hợp lệ thì Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ và có văn bản nêu rõ lý do.

b) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ. Trường hợp đủ điều kiện thì trình UBND tỉnh xem xét, quyết định và cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng. Trường hợp không đủ điều kiện cấp phép thì Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo cho tổ chức, cá nhân lý do không cấp phép.

c) Trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh quyết định cấp giấy phép; trường hợp không chấp nhận cấp phép, phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do để Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép. Thời hạn của giấy phép được cấp lại bằng thời hạn còn lại của giấy phép đã được cấp trước đó.

Trường hợp đề nghị chuyển nhượng không được UBND tỉnh chấp thuận thì tổ chức, cá nhân chuyển nhượng được tiếp tục thực hiện giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước hoặc trả lại giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

6. Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước phải thực hiện nghĩa vụ về thuế, phí, lệ phí liên quan đến việc chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

**Điều 36. Hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất được thực hiện theo Điều 13, Điều 14 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cụ thể như sau:**

1. Về hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất ( Mẫu số 01 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao chụp có xác nhận của cơ quan cấp quyết định thành lập tổ chức hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép; trường hợp chỉ có bản chụp thì phải kèm bản chính để đối chiếu;

c) Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp có xác nhận của cơ quan cấp văn bằng chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và hợp đồng lao động đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hợp đồng lao động với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật; trường hợp chỉ có bản sao chụp thì phải kèm bản chính để đối chiếu.

d) Bản khai kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động khoan nước dưới đất của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật của tổ chức cá nhân đề nghị cấp phép (Mẫu số 02 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

2. Về hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất bao gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (Mẫu số 04 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường);

b) Bản sao giấy phép đã được cấp;

c) Bản tổng hợp các công trình khoan nước dưới đất do các tổ chức, cá nhân thực hiện trong thời gian sử dụng giấy phép đã được cấp (Mẫu số 05 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường);

d) Đối với trường hợp đề nghị gia hạn giấy phép mà có sự thay đổi người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật thì ngoài các quy định tại Điểm a, Điểm b và Điểm c khoản này hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép còn bao gồm:

- Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp có xác nhận của cơ quan cấp văn bằng chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và hợp đồng lao động đối với trường hợp tổ chức, cá nhân

đề nghị cấp phép hợp đồng lao động với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật; trường hợp chỉ có bản sao chụp thì phải kèm bản chính để đối chiếu;

- Bản khai kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động khoan nước dưới đất của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép (Mẫu số 02 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

đ) Đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép ngoài các quy định tại Điểm a, Điểm b và Điểm c khoản này, hồ sơ đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép còn bao gồm giấy tờ tài liệu chứng minh việc thay đổi địa chỉ thường trú (đối với trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chính của tổ chức hoặc địa chỉ thường trú của hộ gia đình cá nhân tổ chức hành nghề) hoặc các tài liệu chứng minh điều kiện năng lực đáp ứng quy mô hành nghề theo quy định tại Khoản 2 Khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (đối với trường hợp đề nghị điều chỉnh quy mô hành nghề).

**Điều 37. Trình tự thực hiện thủ tục cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất được thực hiện theo Điều 13 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cụ thể như sau:**

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) nộp một (01) bộ hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

1. Thẩm định hồ sơ

a) Trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép; Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp

b) Nội dung thẩm định hồ sơ bao gồm:

- Căn cứ pháp lý của việc cấp phép hành nghề; sự đáp ứng điều kiện hành nghề quy định tại Khoản 6 Điều 15 của Quy chế này.

- Trường hợp cần thiết, Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép giải trình, bổ sung để làm rõ nội dung hồ sơ; tổ chức kiểm tra thực tế điều kiện hành nghề, năng lực chuyên môn kỹ thuật của tổ chức cá nhân đề nghị cấp phép hoặc đề nghị cơ quan tài nguyên môi trường địa phương nơi đăng ký địa chỉ thường trú của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép tiến hành kiểm tra thực tế. Cơ quan đề nghị kiểm tra có trách nhiệm kiểm tra và trả lời bằng văn bản cho Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn không quá bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị kiểm tra.

- Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp phép đối với trường hợp hồ sơ do Sở Tài nguyên và Môi trường thụ lý, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thông báo ý kiến của mình (nếu có) về hồ sơ đề nghị cấp phép. Quá thời hạn đó, coi như UBND cấp huyện không có ý kiến đối với hồ sơ đề nghị cấp phép và tổ chức cá nhân đề nghị cấp phép

## 2. Quyết định cấp phép

a) Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cấp giấy phép, trả kết quả về Sở Tài nguyên và Môi trường; trường hợp không chấp nhận cấp phép phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do để Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

b) Giấy phép đã cấp được giao trực tiếp cho tổ chức cá nhân đề nghị cấp phép tại cơ quan thụ lý hồ sơ đề nghị cấp phép hoặc được gửi qua đường bưu điện sau khi chủ giấy phép đã nộp đầy đủ phí và lệ phí theo quy định.

**Điều 38. Trình tự thực hiện thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất được thực hiện theo Điều 14 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cụ thể như sau:**

Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) nộp một (01) bộ hồ sơ cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Nội dung thẩm định hồ sơ, quyết định gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép và hình thức trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất thực hiện theo Khoản 1, Khoản 2 Điều 37 của Quy chế này; riêng thời hạn thẩm định hồ sơ và trình cấp phép không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**Điều 39. Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất:** Được thực hiện theo quy định tại Điều 15 của Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.

## **Chương IV** **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG** **TÀI NGUYÊN NƯỚC**

**Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước**

1. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước có các quyền sau đây:
  - a) Khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định hiện hành;
  - b) Hưởng lợi từ việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước;
  - c) Được Nhà nước bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước;
  - d) Sử dụng số liệu, thông tin về tài nguyên nước theo quy định hiện hành;
  - đ) Được dẫn nước chảy qua đất liền kề thuộc quyền quản lý, sử dụng của tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật;

e) Khiếu nại, khởi kiện về các hành vi vi phạm quyền khai thác, sử dụng tài nguyên nước và các lợi ích hợp pháp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước có các nghĩa vụ sau đây:

a) Bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật;

b) Sử dụng nước đúng mục đích, tiết kiệm, an toàn và có hiệu quả;

c) Không gây cản trở hoặc làm thiệt hại đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác;

d) Bảo vệ nguồn nước do mình trực tiếp khai thác, sử dụng;

đ) Thực hiện nghĩa vụ về tài chính; bồi thường thiệt hại do mình gây ra trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật;

e) Cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động nghiên cứu khoa học được Nhà nước cho phép;

g) Khi bỏ sung, thay đổi mục đích, quy mô khai thác, sử dụng thì phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ trường hợp không phải xin cấp giấy phép, không phải đăng ký theo quy định tại Điều 16 của Quy chế này;

h) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước được cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước thì ngoài việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều này, còn phải thực hiện đúng các nội dung trong giấy phép.

4. Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nước thuộc trường hợp phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định tại khoản 1 Điều 65 của Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 còn được chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của Chính phủ.

**Điều 41. Quyền và nghĩa vụ của chủ giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất:** Theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất

**Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước**

1. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước có các quyền sau đây:

a) Được xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của giấy phép;

b) Được Nhà nước bảo hộ quyền, lợi ích hợp pháp;

c) Được Nhà nước bồi thường thiệt hại trong trường hợp giấy phép bị thu hồi trước thời hạn vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng theo quy định của pháp luật;

d) Được quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có hành vi gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong việc xả nước thải vào nguồn nước bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;

đ) Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép;

e) Trả lại giấy phép theo quy định;

g) Chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, thế chấp, bảo lãnh bằng tài sản đầu tư vào công trình xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật;

h) Khiếu nại, khởi kiện các hành vi vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong việc xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước có các nghĩa vụ sau đây:

a) Chấp hành quy định của pháp luật về tài nguyên nước và thực hiện đúng quy định của giấy phép;

b) Thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật;

c) Bảo đảm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho phép trong suốt quá trình xả nước thải vào nguồn nước;

d) Không gây cản trở hoặc gây thiệt hại đến việc xả nước thải vào nguồn nước hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác;

đ) Cung cấp đầy đủ và trung thực dữ liệu, thông tin về hoạt động xả nước thải vào nguồn nước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu;

e) Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng ngừa và khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước do hoạt động xả nước thải của mình gây ra theo quy định;

g) Thực hiện việc quan trắc, giám sát lưu lượng, chất lượng nước thải và chế độ thông tin, báo cáo về hoạt động xả nước thải theo quy định;

h) Bồi thường thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hành vi xả nước thải trái phép của mình gây ra;

i) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 43. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân hiện đang có công trình thăm dò, khai thác nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký**

Toàn bộ các công trình đang thăm dò, khai thác nước mặt, nước dưới đất, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất phải đăng ký hoặc xin phép mà chưa đăng ký hoặc chưa có Giấy phép theo Quy định này sẽ bị xử

phạt vi phạm hành chính theo Nghị định số 142/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;

#### **Điều 44. Công tác trám lấp giếng**

Việc trám lấp giếng phải thực hiện theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BTNMT ngày 4/9/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về việc xử lý trám lấp giếng không sử dụng.

### **Chương V CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, THANH TRA CHUYÊN NGÀNH VỀ HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC**

#### **Điều 45. Chế độ báo cáo**

1. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm và theo yêu cầu đột xuất, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng kết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) tình hình quản lý, sử dụng tài nguyên nước thuộc phạm vi và lĩnh vực quản lý. Nội dung báo cáo cần làm rõ kết quả, tình hình quản lý, sử dụng tài nguyên nước thuộc ngành, phạm vi quản lý và những thuận lợi khó khăn, kiến nghị và đề xuất, kiến nghị.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận các báo cáo tình hình quản lý, đăng ký hoạt động tài nguyên nước của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và có trách nhiệm tổng hợp các báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chỉ đạo.

#### **Điều 46. Công tác thanh tra, kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo**

Công tác thanh tra, kiểm tra giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tài nguyên nước thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

### **Chương VI KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 47. Khen thưởng**

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện Quy chế này được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 48. Xử lý vi phạm**

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Người lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm Quy chế này sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

## **Chương VII** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 49. Xử lý chuyển tiếp**

1. Giấy phép thăm dò nước dưới đất; giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất; giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt; giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép mà còn thời hạn thì tiếp tục có hiệu lực cho đến khi giấy phép hết hạn.

2. Những nội dung không quy định trong Quy chế này thì được thực hiện theo quy định của Luật Tài nguyên nước 2012; Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước; Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất; Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều kiện về năng lực của tổ chức cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp phép tài nguyên nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 50. Điều khoản thi hành**

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan, chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, phường xã thị trấn theo chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, thực hiện Quy chế này.

2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức và cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Mùa A Sơn**